

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hữu Tr; nơi cư trú: Tổ thi đua 1 (tổ 2 cụm 2 cũ), phường T, quận K, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thanh T2; Hiện đang ở Trung tâm điều dưỡng người tâm thần, địa chỉ: Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo ông Trần Hữu Tr trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Tr và bà Đoàn Thanh T2 kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H từ ngày 03-01-1991. Quá trình chung sống được một thời gian thì bà T2 bị bệnh tâm thần, từ ngày 26

tháng 9 năm 1993 được chuyển vào điều trị nội trú tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần thành phố Hải Phòng ở xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, Ông Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông Tr được ly hôn với bà Đoàn Thanh T2.

2. Về con chung: Ông Tr và bà T2 có 01 con chung là Trần Thị M, sinh ngày 12-12-1991. Hiện chị Mai đã trưởng thành có gia đình riêng, nên Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề nghị trưng cầu giám định về tâm thần đối với bà T2.

Lời khai của bà Đoàn Thanh T2 có mặt bác sỹ điều trị, trưởng phòng y tế của Trung tâm điều dưỡng người tâm thần xác nhận: Thống nhất với Ông Tr về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng, từ năm 1993 bà T2 bị bệnh tâm thần nên chuyển đến Trung tâm điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng tại xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, bà T2 và Ông Tr sống ly thân nhau, nay bà T2 đang được điều trị ổn định, xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, Ông Tr có đơn xin ly hôn, bà T2 đồng ý; về con chung bà T2 và Ông Tr có 01 con chung về họ tên, tuổi như Ông Tr trình bày, nay con chung đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về sức khỏe tâm thần bà T2 trình bày hiện nay được điều trị ổn định nên không yêu cầu giám định pháp y về tâm thần, bà T2 có khả năng nhận thức và trao đổi thông tin với người khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là ông Trần Hữu Tr có đơn khởi kiện về việc ly hôn, bà Đoàn Thanh T2 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giải quyết ông Trần Hữu Tr được ly hôn bà Đoàn Thanh T2; về con chung: Con chung của Ông Tr, bà T2 là chị Trần Thị M, sinh ngày 12-12-1991 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Toàn án không xét về việc nuôi dưỡng con chung; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; Ông Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn ông Trần Hữu Tr, bị đơn bà Đoàn Thanh T2: Ông Tr, bà T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, Ông Tr vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T2 vắng mặt có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Tr, bà T2.

[3] Về năng lực hành vi dân sự: Bà Đoàn Thanh T2 đang điều trị tâm thần tại Trung tâm điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng, Tòa án đã giải thích, hướng dẫn để các đương sự thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố bà T2 mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nhưng không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hữu Tr:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu Tr kết hôn với bà Đoàn Thanh T2 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H từ ngày 03-01-1991, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống Ông Tr và bà T2, do bà T2 bị bệnh tâm thần nên từ ngày 26 tháng 9 năm 1993 bà T2 được chuyển vào điều trị nội trú tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần thành phố Hải Phòng ở xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đến nay, vợ chồng ly thân nhau từ đó, Ông Tr bà T2 đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của Ông Tr, bà T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Ông Tr xin ly hôn bà T2 là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Ông Tr được ly hôn bà T2.

[5] Về con chung: Ông Tr và bà Đoàn Thanh T2 có 01 con chung là Trần Thị M, sinh ngày 12-12-1991. Xét thấy chị Mai đã trưởng thành, có gia đình riêng, các đương sự không ai yêu cầu việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Ông Trần Hữu Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Ông Trần Hữu Tr được ly hôn bà Đoàn Thanh T2.

2- Về án phí: Ông Trần Hữu Tr phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002134 ngày 03 tháng 12 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, Ông Tr đã nộp đủ án phí.

3- Về quyền kháng cáo bản án:

Ông Trần Hữu Tr, bà Đoàn Thanh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND phường T, quận K, thành phố H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt